

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/DS - ST
Ngày: 13 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Phụng.

Bà Phạm Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Trung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 –Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2024/TLST - DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà V, số 9 D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công Tr, chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy Th, chức vụ Trưởng phòng xử lý nợ Miền Bắc.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Ông Bùi Tiến D, trưởng bộ phận xử lý nợ;

2. Ông Phạm Tất Th, chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Ông Trần Công H, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số nhà 48, ngõ 205, đường Ng, phố Ch, phường N, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1993 và chị Lê Thị Hương L.

- Anh Trần Minh H, sinh năm 2001.

Đều trú tại: số nhà 48, ngõ 205, đường Ng, phố Ch, phường N, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Đại diện Nguyên đơn Công ty cổ phần M ông Th có mặt; vắng mặt Bị đơn: ông H, bà Th và những người có lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đ, chị L và anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th vay của Ngân hàng TMCP V (VPBank) tổng số tiền là: số tiền 2.730.000.000 đồng theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1.1 Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208056414290 ký ngày 11/08/2022 và các khế ước nhận nợ kèm theo

a. Khế ước nhận nợ ngày 05/10/2022 (LD2227801402):

- Số tiền nhận nợ: 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh buôn bán thịt lợn
- Lãi suất cho vay: **8.5%/năm** (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3,7%/năm

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng: ông H và bà Th đã trả cho VPBank số tiền là 134,916,852 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 0 đồng; trả nợ lãi là 134,916,852 đồng). Ông H và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 15/08/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

b. Khế ước nhận nợ ngày 11/08/2022 (LD2222301089):

- Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh buôn bán thịt lợn
- Lãi suất cho vay: **11.5%/năm** (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng: ông H và bà Th đã trả cho VPBank số tiền là 33.639.551 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 0 đồng; trả nợ lãi là 33.639.551 đồng). Ông H và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày

15/07/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

c. Khế ước nhận nợ ngày 12/08/2022 (LD2222401778):

- Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh buôn bán thịt lợn
- Lãi suất cho vay: **11.5%/năm** (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng: Số tiền ông H và bà Th đã trả cho VPBank số tiền là 33,664,573 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 0 đồng; trả nợ lãi là 33,664,573 đồng). Ông H và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 15/07/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

d. Khế ước nhận nợ ngày 15/08/2022 (LD2222700725):

- Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh buôn bán thịt lợn
- Lãi suất cho vay: **11.5%/năm** (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3,5%/năm

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng: ông H và bà Th đã trả cho VPBank số tiền là 36,052,609 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 0 đồng; trả nợ lãi là 36,052,609 đồng). Ông H và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 15/07/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

1.2 Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng dịch vụ thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (LD2223200734):

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm triệu đồng); Mục đích

vay: tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất: 21%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn

Quá trình thực hiện Hợp đồng: ông H và bà Th đã trả cho VPBank số tiền là 77,760,519 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 43,420,952 đồng; trả nợ lãi là 34,339,567 đồng); Ông H và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 15/07/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

1.3 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/8/2022(hợp đồng số 291-P-6786597): Hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*); Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: 39%/ năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: ông H và bà Th đã trả cho VPBank số tiền là 2,048,020 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 2,048,020 đồng; trả nợ lãi là 0 đồng). Ông H và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 15/07/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

* Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay đối với hợp đồng tín dụng số LN2208056414290 ký ngày 11/08/2022 của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th tại Ngân hàng, bên vay ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th đã đồng ý thế chấp tài sản là: toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: A25, tờ bản đồ số: Quy hoạch, địa chỉ: Khu tái định cư đường sắt, phố Ch, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình); theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 679821; số vào sổ cấp GCN số 01588-TĐC/QĐ-UBND do UBND thành phố N, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14/10/2010 mang tên ông Trần Công H theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 6414290 ngày 10/08/2022 giữa ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th với Ngân hàng.

Tài sản thế chấp trên có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của Pháp luật. Việc thế chấp đã thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hoàn tất các thủ tục theo đúng quy định của Pháp luật và của Ngân hàng.

Từ ngày 29/12/2023, Ngân hàng V đã bán (các) khoản nợ của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th sang cho Công ty cổ phần M (trước đây là Công ty TNHH MTV M) theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS và Phụ lục đính kèm ký giữa VPBank với Công ty cổ phần M. Theo đó, VPBank đồng ý bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th, bao gồm (các) khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th đã ký kết với VPBank.

Đồng thời, VPBank đã chuyển giao quyền chủ nợ và Công ty cổ phần M kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của VPBank đối với (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Trần Công H

và bà Vũ Thị Th. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Nay Công ty cổ phần M yêu cầu Tòa án buộc bên vay là vợ chồng ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th phải trả nợ cho Công ty cổ phần M, số tiền tạm tính đến hết ngày 13/8/2025 là 3.969.316.881 đồng (ba tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm mười sáu nghìn, tám trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 2.684.531.028 (hai tỷ, sáu trăm tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, không trăm hai mươi tám đồng), nợ lãi trong hạn là 1.152.055.291 đồng (một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi một đồng), nợ lãi quá hạn là 132.730.562 đồng (một trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng); các khoản lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn phát sinh cho đến ngày xét xử và các khoản lãi, lãi phạt phát sinh cho đến khi ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng số LN2208056414290 ký ngày 11/08/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng dịch vụ thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (LD2223200734); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/8/2022 (hợp đồng số (291-P-6786597) mà ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th đã ký với Ngân hàng.

Trường hợp ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th không trả nợ đầy đủ cho Công ty cổ phần M thì Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty cổ phần M, cụ thể như sau:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: A25, tờ bản đồ số: Quy hoạch, địa chỉ: khu tái định cư đường sắt, phố Ch, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình); theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 679821; sổ vào sổ cấp GCN số 01588-TĐC/QĐ-UBND do UBND thành phố N, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14/10/2010 mang tên là ông Trần Công H.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc nhận ủy quyền lại, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai ngày 16 tháng 8 năm 2024 bà Vũ Thị Th là bị đơn trình bày: vợ chồng bà là Trần Công H và Vũ Thị Th có vay của ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 2.730.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng) theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức ký ngày 11/8/2022 và các khế ước nhận nợ ngày 05/10/2022 số tiền vay là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng), khế ước nhận nợ ngày 11/8/2022 số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu

đồng), khế ước nhận nợ ngày 12/8/2022 số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và khế ước nhận nợ ngày 15/8/2022 số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở tài sản thanh toán dịch vụ ngân hàng điện tử do ông Trần Công H vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), vay sử dụng chung gia đình và khoản thẻ tín dụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cũng phục vụ gia đình. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nói trên là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số A25 tờ bản đồ quy hoạch địa chỉ khu tái định cư đường sắt phố Ch, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình). Đã được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC679821 ngày 14/10/2010 mang tên ông Trần Công H. Hiện nay nhà đất trên là số nhà 48, ngõ 205 đường Ngu, phố Ch, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình). Diện tích đất 95m² trên đất có nhà hai tầng và công trình phụ khép kín.

Hiện nay gia đình bà chung sống tại nhà gồm có:

Vợ chồng bà là Trần Công H và Vũ Thị Th.

Vợ chồng con trai bà là Trần Minh Đ, sinh năm 1993, vợ là Lê Thị Hương L, sinh năm 1994 và cháu Trần Lê Minh Q.

Con trai Trần Minh H, sinh năm 2001

Con gái Trần Diệu L. sinh năm 2008

Trong quá trình chung sống các con bà gồm anh Đ, chị L và anh H có đóng góp sửa sang xây mái bằng 2 tầng và xây tum cầu thang.

Đến nay ngân hàng V bán khoản nợ cho công ty cổ phần M và Công ty có đơn khởi kiện đòi nợ đối với vợ chồng bà số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2024 là nợ gốc 2.706.229.260 đồng, nợ lãi 450.040.494 đồng, nợ lãi chậm trả 19.807.150. Tổng cộng là 3.176.076.904 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng trường hợp không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp.

Quan điểm của vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Hiện tại do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chưa trả được nợ. Nguyên vọng của gia đình bà muốn bán tài sản để trả nợ cho ngân hàng. Trường hợp không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn ông Trần Công H, bà Vũ Thị Th, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đ, chị L và anh H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 365, 368 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95, 98 Luật

các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty cổ phần M. Buộc ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th phải trả cho Công ty cổ phần M số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 13/8/2025 là 3.969.316.881 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.684.531.028 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.152.055.291 đồng; nợ lãi chậm trả là 132.7360.562 đồng.

Trường hợp ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th không thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ thì Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất diện tích 95m² tại thửa đất số A25, tờ bản đồ số Quy hoạch, địa chỉ: Khu tái định cư đường sắt, phố Ch, phường N, thành phố N (nay là phường H), tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 679821 do UBND thành phố N cấp ngày 14/10/2010 mang tên ông Trần Công H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần M không phải nộp án phí đối được trả lại số tiền tạm ứng án phí 47.400.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000325 ngày 19/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

Ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Công ty cổ phần M khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng và người bị kiện là ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th có địa chỉ tại số nhà 48, ngõ 205, đường Ng, phố Ch, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình) giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo để đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn là ông Trần Công H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Minh Đ, chị Lê Thị Hương L và anh Trần Minh H không có ý kiến phản hồi hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Ông H, anh Đ, chị L và anh H cũng không thể hiện ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 Tòa án đã ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 23/12/2024, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 13/01/2025 Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình ra thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 01/2025/TB – TA ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 23/01/2025, tuy nhiên do điều kiện công tác của những người tiến hành tố tụng nên không thể mở phiên tòa đúng thời gian ghi trong thông báo. Vì vậy ngày 05/3/2025 Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư ra thông báo số 02/2025/TB-TA ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30

phút ngày 21/3/2025. Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa đúng theo thời gian đã ấn định, tuy nhiên còn có một số tài liệu cần xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa trong vụ án dân sự do đó Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa, hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa nhưng chưa có kết quả xác minh thu thập được nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Tại quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 30/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 và thông báo mở lại phiên tòa 03/2025/TB-TA ngày 09 tháng 7 năm 2025 Tòa án đã ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 24 tháng 7 năm 2025. Tại phiên tòa ngày 24/7/2025 vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào 9 giờ 30 phút ngày 12/8/2025, tuy nhiên do điều kiện công tác của những người tiến hành tố tụng nên không thể mở phiên tòa đúng thời gian ghi trong thông báo. Vì vậy ngày 06/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình ra thông báo số 04/2025/TB-TA ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 13/8/2025. Tại phiên tòa ngày 13/8/2025 bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trên cơ sở hợp đồng thế chấp bất động sản số 6414290 được ký kết ngày 10/08/2022 và đơn đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử của vợ chồng ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th, Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208056414290 ký ngày 11/08/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng dịch vụ thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (LD2223200734) và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/8/2022(hợp đồng số 291-P-6786597 với ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th với tổng số tiền cho vay là 2.730.000.000 đồng (*Bằng chữ: hai tỷ, bảy trăm ba mươi triệu đồng chẵn*)). Việc ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức giữa các bên đảm bảo đúng quy định của pháp luật và ông H, bà Th đã nhận được khoản tiền vay theo hợp đồng được thể hiện bằng các khế ước nhận nợ ngày 05/10/2022, ngày 11/8/2022, ngày 12/8/2022 và khế ước nhận nợ ngày 15/8/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 11/8/2022 đến ngày 15/8/2023 ông H, bà Th đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền 318.082.097 đồng; trong đó nợ gốc là 45.468.972 đồng, nợ lãi là 272.613.125 đồng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ nữa. Ngày 15/7/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn và tính lãi suất vay quá hạn theo quy định. Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc khách hàng thực hiện trách nhiệm trả nợ nhưng đến nay ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th vẫn chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Từ ngày 29/12/2023, Ngân hàng V đã bán (các) khoản nợ của ông Trần

Công H và bà Vũ Thị Th sang cho Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS và Phụ lục đính kèm ký giữa VPBank với Công ty cổ phần M. Theo đó, VPBank đồng ý bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th, bao gồm (các) khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th đã ký kết với VPBank.

Đồng thời, VPBank đã chuyển giao quyền chủ nợ và Công ty cổ phần M kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của VPBank đối với (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm

Như vậy, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 2.684.531.028 đồng là phù hợp với Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất:

Việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Công ty cổ phần M yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay của ông H, bà Th là đúng theo thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208056414290 ký ngày 11/08/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng dịch vụ thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (LD2223200734); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/8/2022 (hợp đồng số 291-P-6786597) và theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, Tòa án chấp nhận tổng số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà Công ty cổ phần M yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 13/8/2025 là 1.284.785.853 đồng (một tỷ, hai trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: nợ lãi trong hạn là 1.152.055.291 đồng (một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi một đồng), nợ lãi quá hạn là 132.730.562 đồng (một trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng);

Xét thấy Công ty cổ phần M áp dụng mức lãi suất và đề nghị ông H, bà Th phải trả là phù hợp với mục 9 Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208056414209 ký kết ngày 11/8/2022, phù hợp với Điều 7 của Quyết định số 510 ngày 29/8/2022 về việc ban hành điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân về lãi suất, phí, phương pháp tính lãi; phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 7, 8 và 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử buộc ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th trả cho Công ty cổ phần M theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2208056414290 ký ngày 11/08/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng dịch vụ thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (LD2223200734); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ,

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/8/2022(hợp đồng số 291-P-6786597) với tổng số tiền là 3.969.316.881 đồng (ba tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm mười sáu nghìn, tám trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 2.684.531.028 (hai tỷ, sáu trăm tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, không trăm hai mươi tám đồng), nợ lãi trong hạn là 1.152.055.291 đồng (một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi một đồng), nợ lãi quá hạn là 132.730.562 đồng (một trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng);

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp số 6414290 ngày 10/08/2022 được ký kết giữa ông H, bà Th với Ngân hàng đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo hợp pháp. Các tài sản bảo đảm đều thể hiện rõ ý chí của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th bảo đảm cho khoản vay của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th tại Ngân hàng, bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của ông H, bà Th đối với Ngân hàng nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M thì Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với thỏa thuận của các đương sự được thể hiện trong hợp đồng thế chấp tài sản và trong Hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Vũ Thị Th trình bày trong bản tự khai đối với tài sản bà và ông H thế chấp cho Ngân hàng có công sức đóng góp của anh Đ, chị L và anh H là con trai và con dâu bà có sửa sang xây mái bằng 2 tầng và xây tum cầu thang. Tòa án đã đưa anh Đ, chị L và anh H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên Đ, chị L và anh H không có ý kiến trả lời đối với phần anh, chị đóng góp vào tài sản mà ông H và bà Th đã thế chấp cho Ngân hàng. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 325 của Bộ luật Dân sự để xác định đối với phần tài sản coi nói sau khi thế chấp cho Ngân hàng thuộc quyền quản lý sử dụng của ông H bà Th.

[3] Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty cổ phần M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Theo quy định tại đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần Công H thuộc trường hợp miễn nộp án phí, song trong quá trình Tòa án giải quyết ông H

không có mặt, không có đơn xin miễn án phí theo quy định, do đó cần buộc ông Trần Công H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của tổng số tiền là 3.969.316.881 đồng (ba tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm mười sáu nghìn, tám trăm tám mươi một đồng) = 72.000.000 đồng + (1. 969.316.881 đồng x 2% = 39.386.337 đồng). Tổng cộng ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 111.386.337 đồng (một trăm mười một triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng)

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 299, 317, 318, 319, 323, 325, 463 và 466, của Bộ luật Dân sự,

Căn cứ khoản 1, Điều 179 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M đối với ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th.

Buộc ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th phải trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tính đến hết ngày 13/8/2025 là 3.969.316.881 đồng (ba tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm mười sáu nghìn, tám trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 2.684.531.028 (hai tỷ, sáu trăm tám mươi tư triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, không trăm hai mươi tám đồng), nợ lãi trong hạn là 1.152.055.291 đồng (một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi một đồng), nợ lãi quá hạn là 132.730.562 đồng (một trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng) theo các Hợp đồng đã ký.

Đối với trường hợp ông H, bà Th chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M thì Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản

thể chấp bảo đảm cho khoản vay của ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể các tài sản sau:

- Giá trị Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: A25, tờ bản đồ số: Quy hoạch, địa chỉ: Khu tái định cư đường sắt, phố Ch, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 679821; số vào sổ cấp GCN số 01588-TĐC/QĐ-UBND do UBND thành phố N, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14/10/2010 mang tên ông Trần Công H.

(Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 6414290 ngày 10/08/2022 (số công chứng quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Q giữa Ngân hàng TMCP V (VPBank) và ông Trần Công H, bà Vũ Thị Th).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Công H và bà Vũ Thị Th phải chịu 111.386.337 đồng (một trăm mười một triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền 47.700.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/23, số 0000325 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 1 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú